

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 9 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1995, địa chỉ: xóm, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Khắc T2, sinh năm 1990, nơi ĐKKHKT: thôn, xã Th1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 16/2020/QĐDS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T1 và anh T2 tự nguyện tìm hiểu và lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là xã Th), huyện Thọ Xuân vào ngày 24/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được gần 3 năm thì không còn hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong

sinh hoạt gia đình, anh T2 có mối quan hệ ngoại tình với người khác. Đến tháng 5 năm 2017 anh T2 đã bỏ nhà đi đâu không rõ đến nay không tin tức. Chị đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về anh T2. Đến tháng 02 năm 2020 chị có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh Lê Khắc T2 mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh Lê Khắc T2 trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh T2, nên Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh Lê Khắc T2 mất tích. Nay chị vẫn không có tin tức xác thực về anh T2, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: chị T1 xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Tuyết N, sinh ngày 23/7/2015, hiện tại đang ở với chị. Nguyên vọng của chị là xin được nuôi con và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: chị T1 xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Khắc T2 là người đã bị tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh T2 và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Lê Khắc T2. Về con chung: giao con chung là cháu Lê Thị Tuyết N cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: chị Lê Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T1 khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Khắc T2, có hộ khẩu thường trú tại: xã Th1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Lê Khắc T2 đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh T2 ; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T1 và anh Lê Khắc T2 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Thọ Minh (nay là xã Thuận Minh), huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/2014, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ tháng 5 năm 2017 anh T2 đã bỏ nhà đi biệt tích; chị T1 có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 16/2020/QĐDS-ST ngày 25/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh T2 là người mất tích, đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh T2 đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị T1 có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh T2 . Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*, nên chấp nhận yêu cầu của chị T1 , xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Lê Khắc T2 .

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T1 và anh Lê Khắc T2 có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Tuyết N , sinh ngày 23/7/2015.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị T1 thấy rằng: chị T1 có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và hiện tại đang trực tiếp chăm sóc con (cháu N) từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay; trong khi anh T2 là người mất tích, hiện tại không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết; Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị T1 , giao con chung là cháu N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: chị T1 không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị T1 và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Lê Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi anh Lê Khắc T2 là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T1 được ly hôn với anh Lê Khắc T2 .

2. Về con chung: Chị Lê Thị T1 và anh Lê Khắc T2 có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Tuyết N .

Giao con chung là cháu Lê Thị Tuyết N cho chị Lê Thị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Khắc T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Khắc T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T1 đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006101 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Lê Thị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lê Minh Tiến